

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

ĐẠO TIN LÀNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀN QUỐC NHƯ THẾ NÀO?

SANG GYOO LEE^(*)

Dẫn luận

Bài viết này xin giới thiệu sơ lược những ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến Hàn Quốc. Trong bài này, từ “đạo Tin Lành” được dùng với nghĩa là Kháng Cách (Protestants). Vì vậy, trong bài này, tôi không đề cập đến Công giáo ở Hàn Quốc trước những năm 1880 mà giới thiệu về hai con đường du nhập của đạo Tin Lành vào Hàn Quốc, hoạt động của đạo Tin Lành ở Hàn Quốc, đồng thời giải thích nguyên nhân phát triển của Giáo hội Tin Lành và ảnh hưởng của tình hình chính trị thực dân tới Giáo hội Tin Lành trong thời kì đế quốc Nhật chiếm đóng. Cuối cùng, tôi xin trình bày sơ lược về ảnh hưởng của đạo Tin Lành đến đất nước Hàn Quốc.

1. Quá trình du nhập và phát triển của đạo Tin Lành tại Hàn Quốc

Đạo Tin Lành được du nhập vào Hàn Quốc theo hai con đường. Con đường thứ nhất là quá trình Đông tiến qua Trung Quốc. Quá trình này là sự giao thoa trước khi Hàn Quốc mở cửa ra bên ngoài. Nghĩa là trước những năm 1880, Giáo hội Tin Lành Phương Tây đi qua Trung Quốc trong quá trình Đông tiến rồi xâm nhập

vào Hàn Quốc. Sự giao thoa sớm nhất được biết là Cảnh giáo (Nestorian) ở thế kỉ VIII. Sau đó, các nhà truyền giáo của Giáo hội Tin Lành Phương Tây đi qua Trung Quốc rồi đến Hàn Quốc để giới thiệu đạo Tin Lành.

Tiêu biểu nhất là Karl Gützlaff (Karl Friedrich August Gützlaff, 1803-1851) đã đến vùng duyên hải Hàn Quốc vào tháng 7/1832. Karl Gützlaff là người truyền giáo Tin Lành đầu tiên đã đến Hàn Quốc. Nhà truyền giáo này bắt đầu quan tâm đến việc truyền đạo ở Phương Đông sau khi gặp Mục sư Morrison (Robert Morrison, 1782-1834) ở Anh và trở thành nhà truyền giáo của Hội Truyền giáo Hà Lan (The Netherlands Missionary Society) năm 1823. Karl Gützlaff làm việc ở Hà Lan trong 3 năm và hoạt động với tư cách là nhà truyền giáo ở Batavia (Jakarta ngày nay) từ tháng 7/1826, ở Siam (Thái Lan ngày nay) từ năm 1828 đến 1831. Sau năm 1831, ông cống hiến phần đời còn lại với tư cách là nhà truyền giáo Trung Quốc. Nhà truyền giáo Trung Quốc này đến Joseon vào tháng

*. GS., Khoa Lịch sử thần học, Đại học Kosin, Hàn Quốc.

7/1832. Với kĩ năng điều trị bệnh giỏi, Karl Gützlaff lên tàu Lord Amherst của Anh để đến Joseon với tư cách là phiên dịch viên cho Công ti Thương mại Đông Ấn (East India Company) kiêm thuyền y, thuyền mục. Lúc đó, ông mang theo hai quyển Kinh Thánh tiếng Hán và 26 loại sách đạo lí thư mà được phỏng đoán là sách truyền giáo và kính viễn vọng, v.v... Ông phân phát Kinh Thánh tiếng Hán và văn tự truyền đạo, dạy người dân trồng khoai tây và phương pháp trồng cây nông nghiệp. Đây chính là sự tiếp xúc đầu tiên của Hàn Quốc với đạo Tin Lành.

Tiếp sau Karl Gützlaff, nhà truyền giáo Tin Lành thứ hai đến Hàn Quốc là Mục sư Thomas (Rev. Robert Jermain Thomas, 1840-1866) của Giáo hội Hội Chúng (Congregational Church) của Anh. Thomas đã nhận làm mục sư ở nhà thờ Hanover ngày 04/6/1863 và đến Trung Quốc ngày 21/7/1863 do Hội Truyền giáo London (London Missionary Society) cử đi. Lúc đó, ông mới 23 tuổi. Ông đến với tư cách là nhà truyền giáo Trung Quốc nhưng sau khi vợ mất ngày 24/3/1864, ông bắt đầu quan tâm đến Joseon và đã đến đó năm 1865 sau khi được Alexander Williamson (lúc đó đang làm việc ở Mãn Châu) chỉ dẫn. Nghĩa là lúc đó, ông dời Chi Phù tỉnh Sơn Đông vào ngày 04/9/1865, đi về phía “vùng đất không được phép” (terra incognita) và đã đến vùng duyên hải phía tây Hàn Quốc ngày 13 cùng tháng. Thomas sống bí mật ở Joseon trong khoảng 2 tháng rưỡi, rồi về Bắc Kinh vào đầu tháng 01/1866. Tháng 7/1866, ông lại đến Hàn Quốc với tư cách là thuyền viên của tàu General Sherman.

Nhưng lúc đó ông bị bắt và bị kết án tử hình ngày 04/9/1866, khi đó ông mới 26 tuổi. Thomas đã hai lần đến thăm Joseon và lưu trú trên lãnh thổ Hàn Quốc khoảng 4 tháng nhưng hoạt động của ông không đạt được thành quả cụ thể nào. Năm Thomas đến Joseon là năm 1866. Đây chính là năm mà Công giáo bị áp Lệnh Cấm Giáo. Có 9 linh mục bị tử hình trong số 12 linh mục người Pháp bị bắt. Điều này cho thấy đây là thời kì Công giáo bị đàn áp rất gắt gao. Mặc dù biết tình hình như vậy nhưng ông đã cải trang lên thuyền để đến Joseon vì niềm tin về sự cần thiết phải truyền bá Phúc Âm.

Con đường du nhập thứ hai của đạo Tin Lành là do những nhà truyền giáo của Giáo hội Tin Lành Phương Tây mà khởi đầu là Tin Lành Mỹ. Đây là thời kì sau khi Hàn Quốc mở cửa với bên ngoài năm 1876. Việc mở cửa giao lưu với thế giới của Hàn Quốc trong thời kì cận đại có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Dù việc mở cửa là do Nhật Bản cưỡng chế nhưng kết quả là đã góp phần quan trọng cho quá trình hiện đại hóa của Hàn Quốc. Sau khi mở cửa, Hàn Quốc kí với Mỹ “Điều ước thông thương hữu hảo Hàn-Mỹ”, (Treaty of Amity and Commerce between the United States of America and Korea) ngày 22/5/1882. Đây là điều ước đầu tiên của Hàn Quốc và Mỹ, đánh dấu sự mở đầu của quan hệ Hàn - Mỹ. Cùng với việc kí kết điều ước này, tòa Công sứ Mỹ được xây dựng vào tháng 5/1883. Tiếp sau Mỹ, Hàn Quốc còn kí kết điều ước với Anh, Đức, Italia, Nga vào năm 1884, với Pháp, Áo, Đan Mạch, Bỉ vào năm 1886. Joseon chính thức tiến vào

vũ đài quốc tế với tư cách là một quốc gia cận đại.

Ngay sau khi Hàn Quốc mở then cửa rỉ sắt của một nước không giao lưu với bên ngoài, người Phương Tây, đặc biệt là các nhà truyền giáo đã có thể qua lại Hàn Quốc. Giáo hội Trưởng Lão miền Bắc (1984) của Mỹ, phái Giám Lí miền Bắc (1885), Giáo hội Trưởng Lão Australia (1889), phái Batist (1889), phái Thánh Công (1990), phái Trưởng Lão miền Nam (1892) của Mỹ, phái Giám Lí miền Nam (1896) của Mỹ, Giáo hội Trưởng Lão (1898) Canada đã chính thức cử các nhà truyền giáo đến Hàn Quốc. Cho đến trước khi giải phóng khỏi ách thống trị của Nhật Bản, số nhà truyền giáo đã đến Hàn Quốc là 1480 người, trong đó khoảng 65% là các nhà truyền giáo quốc tịch Mỹ.

Người Phương Tây đã dùng hai cách diễn đạt khi nói về Hàn Quốc. Thứ nhất là “đất nước của buổi sáng yên lành” (Land of Morning Calm). Ta có thể nghĩ đây là tên dịch ra tiếng Anh của Joseon, tên nước cũ của Hàn Quốc, nhưng cách diễn đạt này sự thực đúng về Joseon thế kỉ XIX, một đất nước có tính tĩnh hơn tính động. Cách diễn đạt thứ hai là “đất nước của ẩn sĩ” (Hermit Kingdom). Cách diễn đạt này được giáo sư khoa Đông Phương học, William Griffis, của trường đại học Tokyo Nhật Bản sử dụng lần đầu tiên và phản ánh nhận thức của người nước ngoài về đất nước Joseon đóng cửa. Nhưng sau khi đạo Tin Lành vào Hàn Quốc thì đất nước này có sự thay đổi lớn lao.

Nhà truyền giáo đầu tiên đến Hàn Quốc là Bác sĩ Allen (Dr. Horace Newton Allen, 1858-1932) của Giáo hội Trưởng

Lão miền Bắc của Mỹ. Allen đến Hàn Quốc ngày 20/9/1884, học tiếng Hàn Quốc (Hangul) và chuẩn bị cho việc truyền giáo. Nhưng khi Chính biến Giáp Thân nổ ra ngày 04/12/1884, bác sĩ đã điều trị vết thương cho Min Young Ik (1960-1914) lúc ông bị đạo khách chém làm đứt huyết quản. Nhờ đó, Bác sĩ Allen được hoàng thất tín nhiệm và được phong là ngự y cho vua Cao Tông. Sau đó, bác sĩ đã đề xuất xây dựng bệnh viện kiểu Phương Tây với Chính phủ Joseon thông qua Công sứ Mỹ George C. Foulk. Theo đề xuất này, vua Cao Tông đã cho phép xây dựng bệnh viện ngày 25/02/1885 và bệnh viện này mang tên Quảng Huệ Viện, được khánh thành ngày 10/4 năm đó. Đây là bệnh viện kiểu mới đầu tiên của Hàn Quốc. Sau đó, nhiều nhà truyền giáo đã đến Hàn Quốc, lấy cứ điểm là Seoul tỏa ra cả nước như các tỉnh Pyeongyang, Busan, Daegu..., xây dựng các trường học và bệnh viện theo kiểu Phương Tây và dần dần đáp ứng nhu cầu cần thiết của Hàn Quốc.

2. Đạo Tin Lành dưới thời đế quốc Nhật chiếm đóng Hàn Quốc: đạo Tin Lành và chủ nghĩa dân tộc

Phương pháp truyền giáo phổ biến nhất của các nhà truyền giáo thời kì đầu là truyền đạo tuần hồi, hay còn được gọi là tuần hành. Các nhà truyền giáo đến khu vực truyền giáo hoạt động với mục đích chính là hình thành nhóm họp cho các tín đồ, xây dựng nhà thờ thông qua truyền đạo cá nhân và phổ cập Kinh Thánh. Các nhà truyền giáo đã xây dựng “Phương pháp Nevius” (Nevius Method). Phương pháp này có mục tiêu là xây

dựng nhà thờ địa phương có khả năng tự trị (Self-governing), tự lập (Self-supporting), tự truyền (Self-Propagating). Để phòng ngừa việc quá tập trung vào một khu vực đặc thù và để truyền đạo hiệu quả, các nhà truyền giáo đã kí kết hiệp định phân chia khu vực để hình thành mối quan hệ hợp tác và điều chỉnh hợp lí giữa các nhóm nhà truyền giáo.

Đặc biệt, ngoài việc mở rộng và truyền bá đạo Tin Lành, các nhà truyền giáo còn thực hiện 3 hoạt động khác. Hoạt động thứ nhất là hoạt động giáo dục. Các nhà truyền giáo đã coi việc xây dựng trường học là vấn đề đầu tiên cần giải quyết. Nhờ đó, trường học Tin Lành đầu tiên của Hàn Quốc là “Bồi Tài Học Đường” được xây dựng vào năm 1885. Tiếp đó, “Canh Tân Học Giáo” do Underwood thành lập vào năm 1886 và trường nữ đầu tiên “Ehwa học đường” của bà Scranton thuộc phái Giám Lí cũng được thành lập. Giáo dục y học được bắt đầu từ năm 1886 ở Severance, đây được coi là sự khởi đầu của ngành giáo dục y học cận đại và đã có 7 người tốt nghiệp đầu tiên vào năm 1908. Họ là các bác sĩ đầu tiên của Hàn Quốc. Trường này được thành lập khi sáp nhập với trường chuyên Yeonhee và hiện nay đang là trường đại học Yonsei. Ngoài ra, vào năm 1897, W. Baird đã thành lập trường Soongsil ở Pyeongyang năm 1897, v.v... Như vậy trường học kiểu mới đã được thành lập trên cả nước. Đến năm 1909, có khoảng 950 trường học Tin Lành được xây dựng trên cả nước. Trong đó có 605 trường thuộc phái Giáo hội Trưởng Lão, 200 trường thuộc phái Giám Lí.

Trường đại học Soongsil của đạo Tin Lành trở thành trường dẫn đầu ngành giáo dục tư thục ở Hàn Quốc. Năm 1910, khi đế quốc Nhật Bản chiếm đóng Joseon, Phủ Tổng đốc Joseon đã thống kê có khoảng 300 trường Tin Lành với khoảng 30 nghìn học sinh trên cả nước. Trường học Tin Lành đã tạo ra 3 thay đổi lớn ở Hàn Quốc. Thứ nhất, đây là trường đại học không chỉ dành riêng cho tầng lớp đặc thù trong xã hội mà dành cho tất cả người dân, đã tạo dựng khái niệm giáo dục công (Public Education). Thứ hai, xây dựng nhận thức rằng giáo dục không chỉ dành riêng cho nam giới mà nữ giới cũng có quyền được học hành. Thứ ba, đa dạng hóa chương trình đào tạo theo kiểu Phương Tây. Giáo dục Hàn Quốc trước đây chỉ đơn giản vì “khoa cử”, phương tiện trở thành quan chức chứ không phải là theo đuổi giá trị cuộc đời hay vẻ đẹp cuộc sống. Nhưng giáo dục của trường học truyền giáo đã tạo ra suy nghĩ rằng giáo dục là nhằm đào tạo người dân dân chủ, theo đuổi nét đẹp con người và bồi dưỡng nhân tài trên nhiều lĩnh vực thông qua các chương trình học đa dạng. Theo quan điểm này, ta có thể nói giáo dục Tin Lành đã đem lại biến đổi lớn cho xã hội Hàn Quốc.

Hoạt động thứ hai là hoạt động y tế. Hoạt động y tế là hoạt động tình nguyện quý báu của đạo Tin Lành. Giống như các nước khác trong khu vực Đông Bắc Á, các hoạt động y tế ở Hàn Quốc như xây dựng trạm y tế Thi được sở, giáo dục vệ sinh môi trường, xây dựng bệnh viện, v.v... được coi là phương sách hiệu quả nhất để xóa bỏ rào cản truyền giáo. Nếu

cho rằng Matteo Ricci (1552-1610) là người đã lay động tâm hồn người Trung Quốc bằng “thiên văn học” thì các nhà truyền giáo Tin Lành là người lay động tâm hồn người Hàn Quốc bằng “y học hiện đại”.

Tháng 4/1885, bệnh viện hiện đại đầu tiên được xây dựng. Tháng 9/1885, bệnh viện tư thực là “Bệnh Viện Thi”, và bệnh viện dành riêng cho phụ nữ là “Bảo Cứu Nữ Quán” đã được thành lập. Hoạt động y tế không chỉ giới hạn ở Seoul mà còn

được mở rộng ra các địa phương khác do các nhóm truyền giáo thực hiện. Bệnh viện Ladd (Ladd Hospital) ở Yeongyang, bệnh viện Junkin Memorial (Junkin Memorial Hospital) ở Busan, bệnh viện Dongsan ở Daegu, v.v... đã được thành lập. Tính đến năm 1913, trên toàn quốc đã có 33 bệnh viện truyền giáo (bao gồm cả 3 phòng khám) được thành lập. Bảng dưới đây cho thấy tình hình thành lập bệnh viện truyền giáo (bao gồm cả phòng khám) tính đến năm 1913:

Giáo hội Trưởng Lão	Giáo hội Trưởng Lão miền Bắc	Ganggye, Seoncheon, Pyeongyang, Jeryeong, Seoul, Cheongju, Andong, Daegu, Busan
	Giáo hội Trưởng Lão miền Nam	Gunsan, Cheonju, Mokpo, Gwangju, Suncheon
	Giáo hội Trưởng Lão Canada	(Hoiryeong), Seongjin, Hamheung, (Wonsan)
	Giáo hội Trưởng Lão Australia	Jinju, (Tongyeong)
Phái Giám Lí	Phái Giáo Lí	Yeongbyeon, Pyeongyang, Haeju, Gongju
	Phái Giáo Lí miền Nam	Pyeongyang, Seoul
	Phái Nữ Tuyên Giám	
Phái Thánh Công	Jemulpo, Incheon	
Phái An Tức	Sunan	

Tài liệu trích dẫn theo The Christian Movement in Japan, Korea and Formosa, 1914.

* Địa phương trong ngoặc đơn là nơi có phòng khám

Những cống hiến lớn nhất mà hoạt động truyền giáo y tế đã mang lại Hàn Quốc thứ nhất là điều trị về thể xác, tinh thần, tâm lí cho người Hàn Quốc bằng thi liệu và thi dược, giúp đỡ họ phục hồi để trở về với cuộc sống; Thứ hai, đóng góp cho sự phát triển y học Hàn Quốc thông qua truyền bá y thuật Phương Tây. Thứ ba, giúp cho nước này phát triển giáo dục y học và bồi dưỡng các y bác sĩ.

Hoạt động thứ ba là các nhà truyền giáo đã góp sức trong việc cứu thế cứu hộ cho Hàn Quốc. Đồng thời, các nhà truyền giáo cũng đóng vai trò quan trọng trong điều hành trại trẻ mồ côi, hoạt động từ thiện và cứu thế. Ngoài ra còn tổ chức chương trình đào tạo nghề dành cho quả phụ và người không nghề nghiệp và lập địa điểm phân phát thức ăn miễn phí.

Kết quả là đạo Tin Lành đã đạt thành công lớn ở Hàn Quốc. Khác với truyền thống bài trừ tôn giáo ngoại lai, việc thu nhận đạo Tin Lành ở Hàn Quốc đã diễn ra nhanh hơn hẳn so với những nước khác trong khu vực Đông Bắc Á. D. L. Gifford đã ví sự phát triển của Giáo hội Tin Lành Hàn Quốc như lửa đốt cháy cánh đồng (wildfire) trong bức thư ông gửi thư đến trụ sở truyền giáo của Giáo hội Trưởng Lão miền Bắc của Mỹ ngày 01/9/1896. Roy E. Shearer cũng đã nhận định sự phát triển của Giáo hội Tin Lành Hàn Quốc là liều nguyên chi hỏa (lửa cháy ở cánh đồng) mặc dù có sự chênh lệch phát triển giữa các khu vực.

10 năm hoạt động chính thức đầu tiên của các nhà truyền giáo Tin Lành (1884-1894) là thời kì “đấu tranh gian khổ”. Trong thời kì này, tỉ lệ tín đồ rất thấp. Hiểu lầm về đạo Tin Lành, mâu thuẫn với văn hóa truyền thống Nho giáo, tình hình chính trị được coi là yếu tố cản trở việc truyền bá Phúc Âm. Nhưng việc truyền giáo đã phát triển mạnh mẽ sau năm 1895. Lí do là gì? Bởi vì đạo Tin Lành đã lấp đầy những thiếu thốn của thời kì đó ở Hàn Quốc. Sau năm 1895 ở đây có nghĩa là sau chiến tranh Thanh - Nhật (1894-1895). Chiến tranh này có ý nghĩa hữu hiệu cho việc thay đổi nhận thức về đạo Tin Lành. Khi chiến tranh Thanh - Nhật nổ ra, Triều Dã đã không lường trước được rằng Nhật sẽ giành chiến thắng. Nhưng Nhật đã chiến thắng khi chiến tranh bắt đầu chưa đầy 2 tháng và nhà Thanh đại bại. Điều này là cú sốc đối với Joseon. Người dân Joseon biết rằng nguyên nhân là do Nhật Bản tiếp thu văn hóa Phương Tây. Nhận thức này

được coi là phát hiện lớn thời bấy giờ. Các nhà lãnh đạo Joseon thấy được tình thế mới của khu vực Viễn Đông, và biết sự thật rằng không thể không tiếp thu văn hóa Phương Tây để loại bỏ dã tâm của các nước đang ngày càng lớn mạnh. Vào thời điểm ấy, đạo Tin Lành là con đường tiếp xúc với Phương Tây. Nghĩa là Joseon muốn biến đạo Tin Lành trở thành tính tự cường dân tộc. Điều này được gọi là chủ nghĩa dân tộc tự cường (self-reconstruction nationalism).

Thời điểm đạo Tin Lành được truyền bá khi đó cũng là thời điểm Hàn Quốc chịu ách thực dân của đế quốc Nhật và đây là tiền đề quan trọng để kích thích sự thành công của đạo Tin Lành ở Hàn Quốc. Nhưng quan điểm tiêu biểu nhất là “thuyết chính sách truyền giáo”, quan điểm này cho rằng chính sách truyền giáo của các nhà truyền giáo có hiệu quả lớn nhất. Ngoài ra, còn có “luận tình huống chính trị” về tâm tính hoặc tính tôn giáo của người Hàn.

Nhưng điều quan trọng nhất là lúc đó Hàn Quốc đã bị đế quốc Nhật đô hộ. Vì lợi ích của nước mình, Nhật Bản đã chiếm đoạt tất cả tài nguyên của Hàn Quốc và lúc này, đạo Tin Lành đã lấp đầy những thiếu thốn của Hàn Quốc. Khác các nước Châu Á hay Châu Phi khác, Hàn Quốc đã không chịu sự thống trị thực dân của nước theo đạo Tin Lành. Thông thường, chủ nghĩa dân tộc ở nước chịu thống trị của nước theo đạo Tin Lành mang tính chất chống Tin Lành. Vì vậy, việc trở thành tín đồ Tin Lành có khi được nhìn nhận là hành vi chống dân tộc. Nhưng Hàn Quốc có tình hình ngược

lại. Vì Hàn Quốc chịu ách thống trị của một nước không theo đạo Tin Lành là Nhật Bản nên chủ nghĩa dân tộc ở Hàn Quốc có thể dung hoà với tín ngưỡng Tin Lành. Hàn Quốc đã chịu sự chiếm đoạt của đế quốc Nhật còn đạo Tin Lành là người mang hoa lợi đến với Hàn Quốc.

Tín ngưỡng Tin Lành cung cấp cơ sở tinh thần cho nhận thức chống Nhật của người dân, đôi khi tín đồ và Giáo hội Tin Lành đã đứng ở vị trí trung tâm trong phong trào kháng Nhật. Vì vậy, ở Hàn Quốc, đạo Tin Lành đã kết hợp được với chủ nghĩa dân tộc và hình thành “chủ nghĩa dân tộc Tin Lành” (Christian nationalism) ở đất nước này. Học giả Kim Seyun đã nhận định rằng tình huống đặc thù này là “sự kết hôn giữa đạo Tin Lành và chủ nghĩa dân tộc”⁽¹⁾. Chính tình huống đặc thù này đã giúp việc tiếp nhận đạo Tin Lành ở Hàn Quốc dễ dàng hơn và đạo Tin Lành có thể giữ vững sức mạnh cả trong thời kì Nhật chiếm đóng. Mỉa mai thay, sự chiếm đóng của đế quốc Nhật trở thành thế lực đứng sau giúp đạo Tin Lành được thu nhận và phát triển ở Hàn Quốc.

3. Đạo Tin Lành có ảnh hưởng gì đến Hàn Quốc?

Đạo Tin Lành có ảnh hưởng gì đến Hàn Quốc? Tiến sĩ Hong Euiseop, cựu giáo sư của trường đại học Yonsei đã phát biểu rằng “ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với Hàn Quốc là cách mạng”. Nói ngắn gọn, đạo Tin Lành là con đường hiện đại hóa của Hàn Quốc. Học giả người Đức Adolf Harnack (1851-1930) là người đầu tiên nghiên cứu vấn đề ảnh

hưởng của đạo Tin Lành trong lịch sử Giáo hội Tin Lành Phương Tây. Adolf Harnack đã xem xét những ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với xã hội trong thời kì có liên quan trong cuốn *Sứ mệnh và sự mở rộng của Giáo hội Tin Lành trong 3 thế kỉ đầu* (The Mission and Expansion of Christianity in the First Three Centuries).

Gần đây, Bruce W. Winter ở Cambridge đã nghiên cứu vai trò của đạo Tin Lành và tín đồ Tin Lành với xã hội Greco-Roman trong thời kì đầu trong cuốn *Hãy tạo phúc lợi cho thành phố* (Seek the Welfare of the City). Bruce W. Winter đã nhận định các tín đồ Tin Lành trong thời kì đó đã thực hiện chức năng của “người dân kiêm người làm việc thiện” (Christians as citizens and Benefactors) do hệ thống giá trị ban đầu mà đạo Tin Lành hướng tới. Cộng đồng giữa tín đồ và nhà thờ Tin Lành có giá trị mang tính Tin Lành xuyên suốt và luôn là người làm việc thiện của thời đại đó với tình yêu và lòng từ bi. Học giả này cho rằng “lợi ích cộng đồng” (usui publico) là giá trị mà các tín đồ Tin Lành đã thể hiện. Điều này giống với Hàn Quốc.

Trên thực tế, học giả người Đức Barneck cho rằng tín đồ Tin Lành đã đóng vai trò của người truyền bá văn minh Phương Tây, người tuyên truyền văn hóa (Kulturpropagandisten) dù họ có chủ định hay không chủ định. Đạo Tin Lành Hàn Quốc cũng đã có ảnh hưởng quan trọng trong việc hình thành xã hội

1. Seyoon Kim. *Christianity and Culture in Korea: Nationalism, Dialogue, Indigenization and Contextualization*, ACTS Theological Journal, Vol. 2, 1986, March, p. 32.

Hàn Quốc hiện đại như tiếp nhận và truyền bá văn hóa Phương Tây, giáo dục và y tế, hình thành ý thức dân tộc và ý thức người dân, đả phá phong tục tập quán cũ và nhận thức về kinh tế thị trường, v.v...

Ảnh hưởng quan trọng nhất của đạo Tin Lành Hàn Quốc là việc thúc đẩy hiện đại hóa xã hội Hàn Quốc thông qua giáo dục hiện đại và y tế. Theo từ điển, hiện đại hóa (Modernization) được định nghĩa là “quá trình đẩy mạnh tính hợp lý, kế hoạch, tổ chức của nhận thức, hành động của con người sinh sống trong xã hội bao gồm các lĩnh vực của sinh hoạt xã hội như chính trị - kinh tế - văn hóa”. Lịch sử Phương Tây cho thấy rằng, đây là quá trình biến đổi từ trạng thái tiền hiện đại sang trạng thái hiện đại. Về phương diện kinh tế, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi từ xã hội phong kiến trung thế kỷ sang xã hội tư bản hiện đại, nhưng hiện đại hoá tinh thần lại không bó buộc vào lĩnh vực kinh tế mà là cuộc vận động tinh thần thực hiện giá trị phổ biến được khai hóa trong toàn bộ chính trị, xã hội, văn hóa.

Giáo dục là sức mạnh quan trọng nhất để biến đổi xã hội. Việc xây dựng trường học hiện đại, thực hiện giáo dục dân chủ ở Hàn Quốc đã có ảnh hưởng rất lớn khó mà diễn đạt bằng lời. Sức mạnh giúp Hàn Quốc có thể thực hiện dân chủ hóa và công nghiệp hóa trong một thời gian ngắn chính là giáo dục. Không chỉ trong thời kì khai hóa ở Hàn Quốc cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX mà cả sau khi giải phóng, đạo Tin Lành đã tạo ra thay đổi về tinh thần cho toàn bộ xã hội Hàn

Quốc thông qua giáo dục, y tế, hoạt động xã hội, và là con đường tiếp thu văn minh hiện đại Phương Tây.

Việc xây dựng bệnh viện của các nhà truyền giáo và phát triển y học Hàn Quốc đã mang lại biến đổi cách mạng. Trước đó, ngoài Đông y, y học dựa theo kinh nghiệm, y thuật của Hàn Quốc dựa chủ yếu vào tín ngưỡng bản địa và phương pháp chữa trị dân gian liên quan đến Saman giáo (Shamanism) vốn không có cơ sở khoa học. Lúc đó, tuổi thọ trung bình của người Hàn Quốc là 41 và tỉ lệ trẻ sơ sinh tử vong cao. Nhưng nhờ có các hoạt động y tế của đạo Tin Lành mà các hoạt động thi dược, thi liệu, dự phòng và điều trị được thực hiện. Bệnh tật đã được chứng minh không phải là kết quả do mê tín hay ác thần, và nhờ đó người dân đã được giải phóng khỏi những sợ hãi do mê tín.

Sau khi đạo Tin Lành được truyền bá vào Hàn Quốc, giá trị Tin Lành đã đem lại nhiều biến đổi trong các lĩnh vực của xã hội Hàn Quốc. Nhờ giáo dục và y tế, người dân bắt đầu được giải phóng khỏi vòng luẩn quẩn của phong tục tập quán cũ và mê tín. Giáo dục và y tế là phương tiện khai hóa, giúp người dân bồi dưỡng nhận thức về dân chủ và nhận thức về khoa học. Hơn nữa, phúc âm Tin Lành đã mang lại quan niệm bình đẳng nam nữ, kéo dài nữ quyền một cách tự nhiên và làm cho người dân quan tâm hơn tới tính tôn nghiêm và nhân quyền. Các nhà truyền giáo Phương Tây sống ở Hàn Quốc và thấy được các vấn đề cũng như tập quán lạc hậu của xã hội Hàn Quốc đã đả phá nó trên cơ sở của quan niệm đạo

đức Phúc Âm và chủ nghĩa hợp lý Phương Tây. Vì thế, gia đình trong sạch đã được xây dựng. Hàn Quốc đã từng tồn tại những vấn đề nghiêm trọng về tảo hôn, phức hôn hoặc trùng hôn. Trong tình hình đó, đạo Tin Lành đã cho thấy những khía cạnh lạc hậu của tảo hôn và tính bất hợp lý của trùng hôn. Giáo hội Tin Lành Hàn Quốc cũng đã góp phần thay đổi nhận thức tập quán tang ma lạc hậu. Theo nhà nghiên cứu Lee Neung Hwa, tang ma Hàn Quốc quá phức tạp và lãng nhãng, không ít việc quá hình thức và bất hợp lý.

Hơn nữa, đạo Tin Lành có ảnh hưởng tới hình tượng đã trở thành thường nhật và đã phá mê tín dị đoan. Trên thực tế, Giáo hội Tin Lành đã dẫn đầu trong việc đã phá mê tín dị đoan. Đạo Tin Lành đã triển khai đã phá tín ngưỡng mê tín như thành hoàng đường, xóa bỏ phục trù, thảo trù, chum tam thần trong gia đình. Lee Neung Hwa là một học giả Phật giáo cũng công nhận rằng đạo Tin Lành đã đóng vai trò dẫn đầu trong việc đã phá mê tín dị đoan. “Tín đồ Tin Lành là những phụ nữ đã tin Shaman giáo, thầy bói, giờ đã xóa bỏ tế lễ ma quỷ và trở thành con chiên ngoan đạo... Điều chắc chắn rằng sau này, khi khoa học phát triển, con người sẽ không còn tin vào mê tín dị đoan xưa cũ nữa”⁽²⁾.

Đạo Tin Lành cũng có ảnh hưởng to lớn tới việc giáo dục cho phụ nữ và đề cao nữ quyền. Những quan niệm mới về phụ nữ là chuyển biến lớn đạt được trong quá trình đạo Tin Lành được truyền bá vào Hàn Quốc. Ở Hàn Quốc thời kì đó, phụ nữ không được xem trọng. Tư tưởng

“Nam nữ duy biệt” không phải chỉ sự khác biệt về mặt khái niệm và về đường lối phân biệt đối xử. Số mệnh sinh ra là phụ nữ, họ chỉ biết sống và chấp nhận những bậc đãi trong gia đình, bị phân biệt đối xử cũng như những chế ước xã hội khác. Phụ nữ không phải đối tượng được giáo dục ngang bằng với nam giới. Trong cấu trúc xã hội gia trưởng Nho giáo, “nam tôn nữ ti” đã trở thành hệ giá trị của thời đại. Đạo Tin Lành phản đối thứ giá trị thời đại đó và chủ trương nữ giới cũng như nam giới, đều được sáng tạo theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Do đó, phụ nữ cũng có quyền được giáo dục. Minh chứng cho điều này, các nhà truyền giáo đã mở cả các trường dành cho nữ sinh. Ví dụ như trường nữ Ilsin ở Busan, được sáng lập bởi Hội Truyền giáo Australia tại tỉnh Gyeongnam. Hay trường Changsing thành lập năm 1908 ở Masan, giảng dạy cho cả học sinh nam lẫn học sinh nữ. Đạo Tin Lành thấy rằng thông qua giáo dục có thể đem lại quyền lợi cho người phụ nữ.

Có thể nói chuyển biến lớn nhất sau khi đạo Tin Lành truyền bá vào Hàn Quốc chính là sự tan rã của trật tự thân phận - đẳng cấp. Tất nhiên không thể nói điều này hoàn toàn là do đạo Tin Lành, song cũng không thể phủ nhận tinh thần và giá trị đạo Tin Lành đã ảnh hưởng lớn tới việc phế bỏ tư tưởng phân biệt nam tôn nữ ti. Nhân sinh quan và tư tưởng bình đẳng của đạo Tin Lành đã tác động tới sự thay đổi về thể chế xã hội. Vì

2. Lee Neung Hwa. *Lịch sử ngoại giao cấp Tin Lành Chosoen*, Seoul: Nhà xuất bản Joseon Kidokgyochangmunsa, 1928, p. 202.

vậy, bức tường ngăn cách giữa thân phận, đẳng cấp trong xã hội Hàn Quốc suốt nhiều năm tháng đã sụp đổ. Sự phân biệt trên dưới giữa Lưỡng ban hay thường dân cũng bắt đầu tan rã. Tiêu biểu như phong trào *Bạch đình giải phóng*. Giáo lý đạo Tin Lành dạy rằng, con người được xem là đồng đẳng trước Chúa, do đó không thể tồn tại sự phân biệt về thân phận. Người di dân trong phong trào này là nhà truyền giáo S. F. Moore. M. Huntly đã từng nhận định rằng, phong trào Bạch đình giải phóng của Hội Thánh Tin Lành là một sự kiện làm đảo lộn thế giới.

Đạo Tin Lành đã có nhiều đóng góp cho phong trào dân tộc và độc lập của Triều Tiên. Khi sự biến ất Mùi (1895) xảy ra, trên toàn bán đảo chỉ có khoảng 30 Hội Thánh Tin Lành với số lượng giáo dân không đến 1.000 người. Lúc này Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc đã sáng tác bài ca yêu nước mang tinh thần trung quân ái quốc.

Trong bối cảnh đất nước nguy khốn, bằng vinh quang đức tin, Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc đã cùng hoà mình vào tinh thần toàn dân kháng Nhật. Từ đó, người ta bắt đầu nhận thức về đạo Tin Lành như một tôn giáo của tinh thần trung quân ái quốc.

Trước tình thế dân tộc lâm nguy trước và sau năm 1905, có người tham gia vào hoạt động nghĩa binh, có người lại tham gia vào phong trào đấu tranh vũ trang chống Nhật. Những người như Jang In-hwan thì chọn cách ám sát những phần tử thân Nhật (như Durham White Stevens) cũng như tham gia tích cực vào

phong trào đấu tranh vũ trang. Nhìn chung, Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc đã nêu cao ý thức trách nhiệm với các vấn đề dân tộc, do đó không đứng ngoài cuộc trước hiện trạng bi đát và khổ nạn của dân tộc.

Phong trào dân tộc kiêm phong trào độc lập lớn nhất trong lịch sử cận đại Hàn Quốc, phong trào 3/1 (ngày 3 tháng 1 năm 1919) cũng có liên quan sâu sắc với Hội Thánh Hàn Quốc. Nhờ phong trào 3/1, đạo Tin Lành Hàn Quốc có cơ hội để giải quyết hai hiểu lầm lớn. Thứ nhất, quan điểm coi đạo Tin Lành là tôn giáo Vô quân, Vô phụ, Diệt kẻ loạn thường. Thứ hai, chủ trương xem đạo Tin Lành là tôn giáo ngoại lai của Phương Tây và không thể tiếp nhận vào đời sống đức tin của người Hàn. Tuy nhiên, chính vì đạo Tin Lành đã không bàng quan với hiện thực đất nước, dân tộc mà những ngộ nhận trên được giải quyết. Điều này cho thấy, đạo Tin Lành hoàn toàn có thể phát triển thành tôn giáo của dân tộc.

Thời kì phong trào 3/1, dân số Hàn Quốc ước tính khoảng 20 triệu người, trong đó, Cơ Đốc nhân vào khoảng 200.000 người, tức là chỉ chiếm 1% dân số cả nước. Tuy vậy, Hội thánh Tin Lành Hàn Quốc lại đảm đương vai trò lãnh đạo phong trào này. Quyển *Lịch sử Hàn Quốc 36 năm dưới ách xâm lược Nhật Bản* do Ban biên soạn quốc sử phát hành cho thấy, thành phần tôn giáo tham gia phong trào độc lập 3/1 gồm đạo Tin Lành chiếm 22%, Công giáo 15%, tôn giáo khác 2% và không tôn giáo 61%. Tuy số tín đồ đạo Tin Lành thời kì này chỉ chiếm không quá 1% dân số, song kết quả thống

kê 22% số người tham gia phong trào xuất thân từ đạo Tin Lành cho thấy, chính tín đồ đạo Tin Lành là những người đã lãnh đạo phong trào 3/1.

Do có vai trò và ảnh hưởng lớn trong phong trào 3/1, Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc cũng phải hứng chịu sự đàn áp nặng nề của chính quyền Nhật. Căn cứ theo tài liệu phát hành tháng 5/1919 của Tổng đốc bộ Triều Tiên, tính đến tháng 4/1919, số Cơ Đốc nhân bị bắt giam là 2.120 người, còn tín đồ Nho giáo, Phật giáo, Công giáo tổng cộng là 1.556 người. Tài liệu báo cáo lên Tổng hội Trưởng lão tháng 9/1919, trong số những người bị giam giữ có 3.804 tín đồ, 134 mục sư-trưởng lão và 202 người có liên quan với đạo Tin Lành. Ngoài ra, báo cáo về *"Tình hình Hàn Quốc"* của Hội Nghiên cứu vấn đề Phương Đông thuộc Hội Liên hiệp Tin Lành Mỹ chỉ ra rằng từ ngày 01/3/1919 đến ngày 20/7 cùng năm có 631 tín đồ Tin Lành bị giết và 28.934 người bị bắt giam.

Trong số 30 đại biểu của phong trào dân tộc, Công giáo có 15 người, Phật giáo có 2 người, còn lại 16 người là tín đồ đạo Tin Lành. Kết quả này cũng phản ánh vị trí lãnh đạo phong trào dân tộc của Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc. Nói tóm lại, tuy chỉ chiếm chưa đến 1% dân số song các tín đồ đạo Tin Lành đã đảm nhiệm đến 25-30% vai trò trong phong trào 3/1. Trần Độc Tú, người được mệnh danh là cha đẻ của phong trào Đảng Cộng sản Trung Quốc, khi được biết về vai trò của

Cơ Đốc nhân Hàn Quốc tham gia phong trào 3/1, đã từ bỏ quan niệm xem tôn giáo là mê tín. Ông nói rằng: "Việc Cơ Đốc nhân chiếm số lượng đông đảo nhất trong thành phần tham gia phong trào độc lập ở Triều Tiên khiến tôi phải sửa chữa tư tưởng xem thường đạo Tin Lành của mình". Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc đã cùng toàn dân chịu thương khó trong bối cảnh dân tộc lâm nạn. Chính phong trào 3/1 là minh chứng rõ ràng nhất cho truyền thống này của đạo Tin Lành Hàn Quốc.

Trên đây, tôi đã xem xét quá trình đạo Tin Lành du nhập vào Hàn Quốc, sự trưởng thành, tình hình của đạo Tin Lành dưới thời kì Nhật Bản thống trị và những ảnh hưởng của nó ở Hàn Quốc. Không ai có thể phủ nhận ảnh hưởng tuyệt đối của đạo Tin Lành ở Hàn Quốc. Nói ngắn gọn, đạo Tin Lành chính là con đường để Hàn Quốc tiến hành hiện đại hóa. Các trường học của đạo Tin Lành đã sản sinh ra nhiều nhà lãnh đạo Hàn Quốc đóng góp cho công cuộc kiến thiết đất nước thời hiện đại. Có thể nói, đạo Tin Lành chính là người sáng tạo nên xã hội hiện đại Hàn Quốc. Mặc dù thế gian vẫn còn phê phán Hội Thánh Tin Lành Hàn Quốc chưa thể là hình mẫu về đạo đức trong xã hội Hàn Quốc, song nếu lật ngược vấn đề, có thể nói những giá trị, trật tự và đạo đức được giữ vững ở Hàn Quốc chính là nhờ ảnh hưởng của đạo Tin Lành./